TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:02/2021/HNGĐ-ST
Ngày:03-02-2021
V/v: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nước

Ông Huỳnh Văn Rô

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm. Có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm. Có đơn xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị T là nguyên đơn trình bày:*Bà với ông Nguyễn Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1989 không có đăng ký kết hôn. Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân vợ chồng bà sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng nghi kỵ lẫn nhau và ông T có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và vợ chồng bà sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 03 con tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 09-9-1989, Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 02-7-1994 và Nguyễn Huy T, sinh ngày 09/3/2006. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi con Huy T, không yêu cầu cấp dưỡng. Đối với 02 con Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Thùy T đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai khai ngày 18 tháng 01 năm 2021 bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*Ông với bà Tính tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông bà ra riêng sống tự lập và sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Tính nghi kỵ ông có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến xảy ra cự cãi và tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay ông có gặp bà Tính ngồi lại để bàn bạc hàn gắn trở về tiếp tục chung sống nhưng không đạt được và ly thân đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn bà Trần Thị T.

- Về con chung: Có 03 con tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 09-9-1989, Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 02-7-1994 và Nguyễn Huy T, sinh ngày 09/3/2006. Ông thống nhất giao con Huy T cho bà Tính tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng con, không cấp dưỡng nuôi con. Đối với 02 con Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Thùy T đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T đều thống nhất trình bày sống chung với nhau từ năm 1989 và thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng. Xét thấy hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T không có đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị không công nhận bà Tính với ông T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung 02 con Nguyễn Văn T; Nguyễn Thị Thùy T đã trưởng thành không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Huy T bà Tính yêu cầu nuôi cháu Thông và ông T cũng thống nhất giao cháu Thông cho bà Tính nuôi và cháu Thông có nguyện vọng sống với bá Tính. Căn cứ Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều

81 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị giao cháu Thông cho bà Tính tiếp tục nuôi theo nguyện vọng cháu Thông và theo sự thỏa thuận của bà Tính và ông T. Về cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Kiến nghị đề nghị khắc phục việc gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đúng thời hạn theo khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu của bà Tính là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú ấp Thống Nhất, xã Long Toàn, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh nên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện xác lập hôn nhân, không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân không hợp pháp. Tại phiên tòa bà Tính trình bày không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và không đồng ý đoàn tụ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: " *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..*" và " *Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này…*". Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để không công nhận bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

[4]Về con chung: Có 03 con tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 09-9-1989, Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 02-7-1994 và Nguyễn Huy T, sinh ngày 09/3/2006. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà Tính đối với con chung tên Nguyễn Huy T, xét thấy cháu Huy T có nguyện vọng được sống chung với bà Tính khi bà Tính ly hôn với ông T, phía ông T có ý kiến thống nhất giao con Huy T cho bà Tính tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Huy T cho bà Tính nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Đối với 02 con Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Thùy T đã trưởng thành bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm bà Tính đã được giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng bà Tính không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

[8] Về phần kiến nghị vi phạm thủ tục gửi hồ sơ nghiên cứu chưa đúng thời hạn Thẩm phán sẽ khắc phục.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T.

2.Về con chung: Giao con chung Nguyễn Huy T, sinh ngày 09/3/2006 cho bà Trần Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Huy T).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con là Nguyễn Huy T, nên không xét đến.

4. Về tài sản , nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

5.Về án phí: Buộc bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003644 ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, bà Tính đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã Long Toàn;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Trưng